

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2025/DS-PT
Ngày: 01-4-2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 628/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số A L, Khu phố H, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số A L, Khu phố H, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Lê Văn L, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng: Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A L, Khu phố H, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Kim O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về số tiền mượn:

Vào ngày 10/5/2017, chị Nguyễn Thị Kim O có mượn bà số tiền là 80.000.000 đồng, hẹn 01 năm sau là năm 2018 sẽ hoàn trả lại cho bà.

Vào ngày 02/9/2017 có mượn của bà 30.000.000 đồng.

Chị O có mượn 40.000.000 đồng, không có thời gian trả.

Tổng cộng 03 lần mượn tiền là 150.000.000 đồng.

Về số tiền hụi:

Bà làm chủ hụi, chị Nguyễn Thị Kim O có chơi hụi:

Hụi 1.000.000 đồng: khai ngày 30/3/2017 (19 phần) đến ngày 30/9/2018 là mãn. Đã hết rồi, chị O đã đóng đến ngày 30/01/2018, đã đóng được 11 phần, còn 08 tháng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Hụi 5.000.000 đồng: khai ngày 30/03/2017 (16 phần) đến ngày 30/7/2018 là mãn. Đã hết rồi, chị O đã đóng đến ngày 30/02/2018, đã đóng được 12 phần, còn 05 tháng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Hụi 2.000.000 đồng:

+Dây 1: Khai ngày 15/9/2017 (15 phần) mãn ngày 15/11/2018 là mãn. Đã mãn, chị O đã đóng đến 01/2018, đã đóng được 05 tháng, còn 10 tháng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+Hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/9/2017 (16 phần) mãn ngày 15/12/2018. Đã hết rồi, chị O đã đóng đến 01/2018, đã đóng được 05 tháng, còn 11 tháng là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

+Hụi 2.000.000 đồng Dây 2: Khai ngày 16/9/2017 (16 phần) mãn ngày 16/12/2018. Hụi còn sống chưa hết, chị O đã đóng đến 01/2018, đã đóng được 05 tháng, được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+Hụi 3.000.000 đồng: Khai ngày 10/6/2017 (15 phần) mãn ngày 10/8/2018. Đã hốt rồi, chị O đã đóng đến 12/2018, đã đóng được 07 tháng, còn 8 tháng là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Hụi 2.000.000 đồng:

+ Dây 1: Khai ngày 15/9/2017 (20 phần) mãn ngày 15/4/2019. Đã hốt rồi, chị O đã đóng đến 01/2018, đã đóng được 05 tháng, còn 15 tháng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Dây 2: Khai ngày 15/9/2017 (20 phần) mãn ngày 15/4/2019. Hốt rồi, chị O đã đóng đến 01/2018, đã đóng được 05 tháng, còn 15 tháng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Hụi 500.000 đồng: Khai ngày 15/10/2017 (20 phần), chị O đã đóng đến 01/2018, đã đóng được 04 tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), hụi còn sống chưa hốt.

+ Dây 3: Khai ngày 15/10/2017 (20 phần) đã đóng được 04 tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), còn sống.

Tổng cộng các phần hụi chị O hốt chưa đóng là 159.000.000 đồng. Phần hụi còn sống là 14.000.000 đồng. Chị O còn thiếu 145.000.000 đồng.

Đến tháng 02/2018 cho O có trả dần cho anh 01 tháng là 300.000 đồng. Có trả cho chị P ở phường E dùm bà là 10.000.000 đồng.

Phần chị O chơi hụi dùm:

1. T1 – Chợ T4:

-Hụi 2.000.000 đồng: Khai ngày 15/9/2017 (22 phần), mãn ngày 16/6/2019. Chơi làm 04 phần:

+Thu mua 01 phần.

+ Chị O mua 01 phần.

+ Còn sống 02 phần: 01 phần 10 triệu x 2 = 20.000.000 đồng.

68.000.000 đồng – 20.000.000 đồng = 48.000.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng – dây 1: Chơi 4 phần - Khai ngày 15/9/2017 (20 phần), mãn ngày 15/4/2019 (20 phần).

+Thu mua 01 phần.

+ Hốt 01 phần.

+ Đã đóng đến tháng 01/2018 (đã đóng được 5 tháng).

+ Còn đóng 15 tháng là: 30 triệu x 2 phần = 60.000.000 đồng.

+ Còn 2 phần còn sống, đã đóng 1 phần - 5 tháng: 10 triệu x 2 tháng = 20.000.000 đồng, còn thiếu 40.000.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng – dây 2: Chơi 4 phần, đã hốt 03 phần, còn sống 01 phần - khai ngày 15/9/2017 (20 phần), mãn ngày 15/4/2019.

Đã đóng từ tháng 9/2017 là 5 tháng.

Còn đóng tiếp 15 tháng x 2 triệu = 30.000.000 đồng – 01 phần 30 triệu x 3 phần = 90.000.000 đồng.

+ Còn 2 phần còn sống, đã đóng 5 tháng: 10 triệu x 2 = 20.000.000 đồng, còn thiếu lại 70.000.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng – dây 1: Chơi 3 phần, khai ngày 30/11/2017 (15 phần), mãn ngày 30/01/2019.

+Thu mua 01 phần.

+ Còn sống 02 phần.

+ Đã đóng đến tháng 11/2017 (đã đóng được 3 tháng).

+ Còn đóng 12 tháng là: 3 triệu x 12 phần = 36.000.000 đồng.

+ Còn 2 phần còn sống, đã đóng 1 phần 9 triệu x 2 tháng = 18.000.000 đồng, còn thiếu 18.000.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng – dây 2: Chơi 3 phần, khai ngày 30/11/2017 (12 phần), mãn ngày 30/10/2018.

+Thu mua 02 phần.

+ Còn sống 01 phần.

+ Đã đóng đến tháng 11/2018 (đã đóng được 3 tháng).

+ Còn đóng 09 tháng là: 3 triệu x 09 tháng = 27.000.000 đồng x 2 phần = 54.000.000 đồng.

+ 01 phần sống đã đóng 03 tháng: 9.000.000 đồng, còn thiếu 45.000.000 đồng.

Tổng cộng phần chơi dùm là 346.800.000 đồng.

2. P – Trái cây Chợ Thanh T2:

+ Hụi 3.000.000 đồng – dây 1: Khai ngày 10/6/2017 (18 phần) mãn ngày 10/01/2018. Đã hốt, đóng đến 12/2017, đã đóng được 07 tháng, còn 11 tháng là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng).

+ Hụi 3.000.000 đồng - dây 2: Khai ngày 10/6/2017 (15 phần) mãn ngày 10/8/2018. Đã hốt, đóng 07 tháng, còn lại 08 tháng là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Tổng cộng 02 dây là 57.000.000 đồng.

3. P – phường E:

+Hụi 2.000.000 đồng, còn sống N trả còn thiếu 10.000.000 đồng.

+Hụi 3.000.000 đồng, còn sống, N đã trả 10.000.000 đồng xong.

+Hụi 3.000.000 đồng: Khai ngày 10/6/2017 (15 phần) mãn ngày 10/8/2018, đã hốt, đã đóng đến tháng 12/2017 là 7 tháng, còn lại 08 tháng là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

4. H1 – Hụi tuần: Còn thiếu 3.800.000 đồng (ba triệu tám).

5. D – Hụi ngày (5 phần): 5.000.000 đồng.

6. Nhí – Hụi 500.000 đồng, khai ngày 15/12/2017 (15 phần), mãn ngày 15/12/2019, đã đóng 3 tháng (12/2017 – 2/2018), còn 12 tháng là 6.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền O chơi hụi và chơi dùm hụi và tiền mượn 621.800.000 đồng.

Phần chị O có trả tiền dần cho chị mỗi lần 300.000 đồng; Ngày 20/6/2018; tháng 7,8,9,10,11/2018; Tháng 1/2019; tháng 4,5,6,7,9/2019. Tổng cộng 11 lần là 3.300.000 đồng.

Bà có nhận của cháu chị O: Tháng 2/2020: 200.000 đồng; Tháng 5/2020: 200.000 đồng; Tháng 6/2020: 200.000 đồng; Tháng 2/2021: 500.000 đồng; Tháng 3/2021: 400.000 đồng; Tháng 4/2021: 200.000 đồng; Tháng 6/2021: 200.000 đồng. Tổng cộng 1.900.000 đồng.

Tổng cộng bà nhận tiền của chị O trả là 18.200.000 đồng và phần tiền trả cho P (Phường E) 10.000.000 đồng. Tổng cộng chị O đã trả cho bà 28.200.000 đồng.

Như vậy, chị O còn nợ bà tổng cộng 603.600.000 đồng.

Vào năm 2022, bà vẫn tiếp tục đòi tiền nợ chị O, nhưng bà tìm không gặp chị O. Đến tháng 8/2022 chị tìm gặp chị O tại xã Đ, huyện C làm đại lý vé số, chỗ chị O buôn bán nên chị không nói gì, chị O có kêu bà về đi rồi O gọi điện cho bà sau, bà chờ khoảng 2 tháng chị O vẫn không điện. Bà điện thoại cho chị O, chị O bà tính đi rồi cùng ngồi lại với bà để giải quyết.

Đến tháng 8/2023 bà đã tính toán xong, bà điện thoại cho chị O nói là đã tính xong. Chị O nói với bà là lúc này chị O đi làm công ty sáng đi chiều về nên không có thời gian, và hai bên cùng đối thoại cùng nhau, chị O có nói phần hụi của má D trả cho bà 50 triệu, như vậy là chị O không còn thiếu bà nữa. Do không thống nhất được nên bà nhờ Tòa án giải quyết.

Yêu cầu chị O trả cho bà 603.600.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/03/2024 nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H trình bày: Đối với số tiền vay O chưa trả cho bà. Đối với phần hụi, do chị O kêu bà ghi tên O là Bé T3 nên trong danh sách hụi viên không có người tên là O. Bà cũng không biết O có tên thường gọi là Bé T3 hay không. Bà sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh hoặc nhờ tòa án thu thập chứng cứ. Còn đối với những người nhờ O chơi hụi dùm thì bà có ghi tên trong danh sách hụi đúng tên người chơi dùm, nhưng bà không biết họ ở đâu, hốt hụi là O hốt nên nay chỉ kiện O chứ không kiện người nhờ O chơi dùm. Nhưng lần giao tiền hốt hụi cũng không có biên nhận. Có chị T là người mua lại hụi chết của O biết rõ việc này, chị T ở nhà cạnh tôi, tôi sẽ cung cấp cho Tòa họ tên địa chỉ và bản khai của chị T.

**Bị đơn Nguyễn Thị Kim O có đại diện theo ủy quyền là Lê Văn L trình bày:*

Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Ngày 10/5/2017 chị O có vay của bà Thu H 80 triệu đồng, lãi suất 10%/tháng. Việc vay có lập biên bản có chữ ký xác nhận của chị O, vay tiền để làm ăn, thời hạn trả 10/6/2018.

Đến ngày 02/9/2017, chị O tiếp tục vay của bà H 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Việc vay có lập biên bản có chữ ký xác nhận của chị O, vay tiền để làm ăn, thời hạn trả là 01 năm vào ngày 02/9/2018.

Sau đó chị O tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Việc vay có lập biên bản có chữ ký xác nhận của chị O, vay tiền để làm ăn, không thỏa thuận thời hạn trả.

Tổng số tiền vay 03 lần 150.000.000 đồng. Khi đến hạn trả vào năm 2018, chị O đã thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh cho bà H. Hiện chị O không còn nợ bà H.

Đối với tranh chấp hợp đồng góp hui:

Chị O không tham gia các phần hui do bà H làm chủ hui, cũng như không chơi hui giùm cho những người mà bà H đã nêu trong đơn nên không nợ các khoản nợ tiền hui của bà H.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

**Người làm chứng Ngô Thị Lệ T trình bày:* Bà biết O có chơi nhiều dây hui của bà H, nhưng không biết chơi mấy dây. Bà có đứng ra mua hui của O chơi ở chỗ bà H. Nhưng lúc mua hui không có giấy tờ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 181/2024/DSST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc Nguyễn Thị Kim O có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, về việc khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thị Kim O trả số tiền nợ hui 453.600.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/7/2024 bị đơn Nguyễn Thị Kim O có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Chị O đã trả xong khoản tiền nợ 150.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 10/5/2017; biên nhận ngày 02/9/2021; biên nhận ghi số tiền nợ 40.000.000 đồng không ghi ngày tháng. Khi trả nợ bà H có ghi dòng chữ “*đã trả đủ tiền*” ở phía dưới biên nhận. Nay bà H khởi kiện đòi trả các khoản nợ trên nhưng cắt bỏ dòng chữ ghi phía dưới biên nhận, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có dấu hiệu cắt xén không phù hợp quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo các biên nhận nợ ngày 10/5/2017, 02/9/2017, biên nhận nợ 40.000.000 đồng không ghi ngày tháng. Bị đơn thừa nhận các biên nhận nợ do chị O viết và ký tên nhưng chị O cho rằng đã trả xong các khoản tiền nợ và khi trả bà H có viết dòng chữ “*đã trả xong*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cung cấp 03 biên nhận (photo) và thừa nhận trong 03 biên nhận mà bà khởi kiện yêu cầu chị O trả thì chị O có trả được số tiền 49.000.000 đồng. Đại diện ủy quyền của bị đơn không thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết các khoản tiền nợ cho bà H nên cần chấp nhận lời thừa nhận của bà H xác định số tiền chị O còn nợ là 101.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim O thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Trong năm 2017 bà Nguyễn Thị Thu H có cho chị Nguyễn Thị Kim O vay 03 lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là biên nhận ngày 10/5/2017 thời hạn trả 10/6/2018, biên nhận ngày 02/9/2017 thời hạn trả 01 năm, biên nhận nợ số tiền 40.000.000 đồng không ghi ngày tháng. Phía bị đơn Nguyễn Thị Kim O thừa nhận có viết biên nhận nợ với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa bà Nguyễn Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Kim O xác lập hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

Theo thỏa thuận đến ngày 10/6/2018 chị O có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000 đồng của biên nhận ngày 10/5/2017 cho bà H nhưng chị O không thực hiện việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận, mặc dù phía bà H đã nhiều lần đòi. Do đó, chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị O trả số tiền vốn 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim O, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Kim O, thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2017 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Chị O thừa nhận biên nhận nợ ngày 10/5/2017, biên nhận ngày 02/9/2017, biên nhận nợ 40.000.000 đồng không ghi ngày tháng là do chị O viết và ký tên nên có cơ sở xác định chị O còn nợ bà H số tiền 150.000.000 đồng.

Xét chị O kháng cáo cho rằng chị đã trả xong số tiền nợ 150.000.000 đồng cho bà H, khi trả tiền bà H có viết dòng chữ đã trả đủ tiền phía dưới biên nhận nay khi khởi kiện bà H đã cắt bỏ dòng chữ ghi “*đã trả đủ tiền*” phần dưới của các biên nhận nợ. Phía bà H không thừa nhận việc chị O đã trả số tiền nợ 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cung cấp 03 biên nhận photo từ biên nhận gốc (khi chưa cắt bỏ phần dưới) và thừa nhận các dòng chữ ghi phía dưới của các biên nhận là những lần chị O góp tiền cho bà cụ thể: Biên nhận ngày 02/9/2017 chị O góp được số tiền 10.000.000 đồng còn nợ lại 20.000.000 đồng; Biên nhận số tiền

40.000.000 đồng chị O trả được 39.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng; Biên nhận ngày 10/5/2017 số tiền vay 80.000.000 đồng chị O chưa trả vốn, lãi. Như vậy, chị O đã trả được 49.000.000 đồng còn nợ bà H số tiền 101.000.000 đồng nên yêu cầu chị O trả số tiền 101.000.000 đồng. Đại diện ủy quyền của bị đơn không thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết các khoản tiền nợ cho bà H nên cần chấp nhận lời thừa nhận của bà H xác định số tiền chị O còn nợ là 101.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của chị O có căn cứ một phần nên được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Kim O. Sửa bản án sơ thẩm số 181/2024/DS-ST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc Nguyễn Thị Kim O có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, về việc khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thị Kim O trả số tiền nợ hui 453.600.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim O phải chịu 5.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006377 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy